**TUẦN 4**

*Thứ hai ngày 25 tháng 9 năm 2023*

**CHỦ ĐỀ 1: CHÀO NĂM HỌC MỚI**

**BÀI 2 : NHỮNG VIỆC NÊN LÀM TRONG GIỜ HỌC, GIỜ CHƠI**

**……………………………..**

**Tiếng Việt**

**Bài 11: I i K k**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Năng lực:**

**a. Năng lực chung:**

- Tự chủ tự học: Tự hoàn thành công việc học tập của mình.

- Giao tiếp hợp tác: Hợp tác với các bạn trong học tập và làm việc nhóm; tự tin khi giới thiệu bản thân.

**b. Năng lực đặc thù:**

Năng lực ngôn ngữ:

- Nhận biết và đọc đúng các âm *i, k*; đọc đúng các tiếng, từ ngữ, câu có các âm *i, k* ; hiểu và trả lời được các câu hỏi có liên quan đến nội dung đã đọc.

- Viết đúng chữ *i, k* và các tiếng, từ có chữ *i, k.*

- Phát triển vốn từ dựa trên những từ ngữ chứa các âm - Phát triển kĩ năng nói lời giới thiệu, làm quen.

- Phát triển kĩ năng quan sát, nhận biết nhân vật và suy

đoán nội dung các tranh minh họa.

**2. Phẩm chất:**

**-** Nhân ái: cảm nhận được tình cảm bạn bè khi được cùng học, cùng chơi, cùng trò chuyện **II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

-Sách, tranh ảnh, video viết chữ.

- Bảng con, vở, sách

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

**TIẾT 1**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Ôn và khởi động**  - HS hát chơi trò chơi  **2. Nhận biết**  - HS quan sát tranh và trả lời các câu hỏi: + Em thấy gì trong tranh?  - GV và HS thống nhất câu trả lời.  - GV nói câu thuyết minh (nhận biết) dưới tranh và HS nói theo.  - GV cũng có thể đọc thành tiếng câu nhận biết và yêu cầu HS dọc theo.  - GV đọc từng cụm từ, sau mỗi cụm từ thi dừng lại để HS đọc theo.  - GV và HS lặp lại nhận biết một số lần: Nam vẽ kỳ đà..  - GV giúp HS nhận biết tiếng có âm i, k và giới thiệu chữ ghi âm i, k.  **3. Đọc HS luyện đọc âm**  **a. Đọc âm**  - GV đưa chữ i lên bảng để giúp HS nhận biết chữ i trong bài học này.  - GV đọc mẫu âm i.  - GV yêu cầu một số (4 - 5) HS đọc âm i, sau đó từng nhóm và cả lớp đọc đồng thanh một số lần.  - Âm k hướng dẫn tương tự  **b. Đọc tiếng**  - GV đọc tiếng mẫu  - GV giới thiệu mô hình tiếng mẫu ki, kì (trong SHS). GV khuyến khích HS vận dụng mô hình tiếng đã học để nhận biết mô hình và đọc thành tiếng ki, kì.  -GV yêu cầu một số (4 5) HS đánh vần tiếng mẫu ki, kì. Lớp đánh vần đồng thanh tiếng mẫu. GV lưu ý HS, c (xê) và k (ca) đều đọc là "cờ" Âm "cờ" viết là k (ca) khi âm này đứng trước e,ê,i ; viết là c (xê) khi đứng trước các âm còn lại.  -GV yêu cầu một số (4 - 5) HS đọc trơn tiếng mẫu. Cả lớp đọc trơn đồng thanh tiếng mẫu.  - Đọc tiếng trong SHS  + Đọc tiếng chứa âm i  •GV đưa các tiếng chứa âm i ở yêu cầu HS tìm điểm chung (cùng chứa âm i).  • Đánh vần tiếng: Một số HS đánh vấn tất cả các tiếng có cùng âm đang học.  . Đọc trơn các tiếng có cùng âm i  .+ Đọc tiếng chứa âm k( tương tự âm i)  - GV yêu cầu HS đọc trơn tất cả các chữ đang học.  - GV yêu cầu đọc trơn tất cả các tiếng đang học.  \*Ghép chữ cái tạo tiếng  + HS tự tạo các tiếng có chứa i.  + GV yêu cầu 3- 4 HS phân tích tiếng, 2- 3 HS nêu lại cách ghép.  + Lớp đọc trơn đồng thanh những tiếng mới ghép được.  Tương tự với âm k  **c. Đọc từ ngữ**  - GV lần lượt đưa tranh minh hoạ cho từng từ ngữ: bí đỏ, kẻ ô, đi đò, kì đà. Sau khi đưa tranh minh hoạ cho mỗi từ ngữ, chẳng hạn bí đỏ.  - GV nêu yêu cầu nói tên người trong tranh. GV cho từ bí đỏ xuất hiện dưới tranh.  - HS phân tích và đánh vần bí đỏ, đọc trơn từ bí đỏ.  - GV thực hiện các bước tương tự đối với kẻ ô, đi đò, kì đà.  **d. Đọc lại các tiếng, từ ngữ**  - Từng nhóm và sau đó cả lớp đọc đồng thanh một lần các tiếng, các từ  **4. Viết bảng**  - GV giới thiệu mẫu chữ viết thường ghi âm i, âm k và hướng dẫn HS quan sát.  - GV viết mẫu, vừa viết vừa nêu quy trình và cách viết âm i, âm k dấu hỏi.  - HS nhận xét, đánh giá chữ viết của bạn.  - GV nhận xét, đánh giá chữ viết của HS.  - GV quan sát và sửa lỗi cho HS. | - HS chơi  -HS : sách vở, hộp bút trên bàn, bạn Nam đang vẽ….  - HS nói theo.  - HS: Nam/ vẽ kì đà. Cá nhân, cả lớp đọc theo GV  - HS đọc: Nam vẽ kì đà. Cá nhân, cả lớp  đọc vài lần  -HS lắng nghe  -HS lắng nghe  -HS quan sát  -HSlắng nghe  -Một số (4 5) HS đọc âm i, sau đó từng nhóm và cả lớp đồng thanh đọc một số lần.  -HS lắng nghe  -HS lắng nghe  -HS đánh vần tiếng mẫu. Lớp đánh vần đồng thanh tiếng mẫu. ( cờ- i- ki, cờ- i –ki- huyền -kì)  - HS đọc trơn tiếng mẫu. Cả lớp đọc trơn đồng thanh tiếng mẫu. ( ki, kì)  -HS tìm: kí, kỉ, kĩ  - Hs: các tiếng đó cùng chứa âm i  -HS đánh vần cá nhân, cả lớp( cờ -i -ki -sắc- kí, cờ- i- ki- hỏi- kỉ, cờ- i -ki -ngã -kĩ)  -HS đọc trơn cá nhân, cả lớp ( kí,kỉ,kĩ)  - HS đọc cá nhân ( 4 em), mỗi em đọc 3 tiếng  - Hs : đọc tất cae các tiếng cá nhân , cả lớp.  -HS tự tạo: bi, li, đi, dì,….  -HS phân tích, nêu cách ghép  -HS đọc trơn các bảng ghép của các bạn được chọn.  -Hs lắng nghe và quan sát  - HS: quan sát trả lời bí đỏ, phân tích, đánh vần tiếng bí, đọc trơn tiếng bí, đọc trơn từ bí đỏ  -HS phân tích đánh vần  - HS đọc trơn nối tiếp, mỗi HS đọc một từ ngữ. 3 - 4 lượt HS đọc.  - 3 HS đọc trơn các từ ngữ. Lớp đọc đồng thanh một số lần,  -HS đọc lại phần đọc các tiếng các từ.  -HS lắng nghe  -HS lắng nghe, quan sát  - HS viết vào bảng con, chữ cỡ vừa (chú ý khoảng cách giữa các chữ trên một dòng).  -HS nhận xét  -HS quan sát |

**TIẾT 2**

|  |  |
| --- | --- |
| **5. Viết vở**  - GV hướng dẫn HS tô chữ i, k (chữ viết thường, chữ cỡ vừa) vào vở Tập viết 1, tập một. Chú ý liên kết các nét trong chữ a.  - GV quan sát và hỗ trợ cho những HS gặp khó khăn khi viết hoặc viết chưa đúng cách.  - GV nhận xét và sửa bài của một số HS  **6. Đọc**  - HS đọc thầm cả câu; tìm các tiếng có âm i, âm k.  - GV đọc mẫu cả câu.  - GV giải thích nghĩa từ ngữ (nếu cần).  - HS trả lời một số câu hỏi về nội dung đã đọc:  + Kì đà bò ở đâu?  - GV và HS thống nhất câu trả lời.  **7. Nói theo tranh**  - GV yêu cầu HS quan sát từng tranh trong SHS.  - GV đặt từng câu hỏi cho HS trả lời:  + Các em nhìn thấy những ai trong tranh?  + Những người ấy đang ở đâu?  + Họ đang làm gì?  - GV và HS thống nhất câu trả lời.  - GV yêu cầu HS thực hiện nhóm đôi, đóng vai 1 HS đóng vai Nam, 1 HS đóng vai bạn còn lại. Bạn hỏi (vi dụ: Bạn tên gì? Bạn học lớp nào?...), Nam trả lời (tự giới thiệu bản thân mình).  - Đại diện một nhóm đóng vai trước cả lớp, GV và HS nhận xét.  **8. Củng cố**  - GV lưu ý HS ôn lại chữ ghi âm i ,k.  - GV nhận xét chung giờ học, khen ngợi và động viên HS.  - Khuyến khích HS thực hành giao tiếp ở nhà: chào tạm biệt, chào khi gặp. | - HS tô chữ i, k (chữ viết thường, chữ cỡ vừa) vào vở Tập viết 1, tập một.  -HS viết  -HS nhận xét  - HS đọc thầm .  - HS lắng nghe.  - HS đọc thành tiếng cả câu (theo cá nhân hoặc theo nhóm), sau đó cả lớp đọc đồng thanh theo GV.  - HS quan sát.  - HS : Kì đà bò ở kẽ đá.  - HS quan sát.  - HS : lớp 1A có 2 bạn nam , lớp 1B có một bạn nam và một bạn nữ  - HS :Hai bạn nam ở hành lang, một bạn nữ và bạn nam ở trong lớp  - HS : hai bạn nam đang trò chuyên.  -HS thực hiện  -HS đóng vai, nhận xét  -Hs lắng nghe |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY( nếu có)**

|  |
| --- |
|  |
|  |
|  |

**Toán**

**Bài 4:So sánh số**

**(Tiết 4)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Năng lực :**

**a. Năng lực chung:**

- Năng lực tự chủ và tự học: Bước đầu biết quan sát, so sánh số lượng và sử dụng từ “lớn hơn” khi so sánh, sử dụng dấu > khi so sánh các số.

- Năng lực giao tiếp hợp tác: Biết trao đổi, giúp đỡ nhau hoàn thành các bài tập theo quan hệ lớn hơn.

**b. Năng lực đặc thù:**

- Năng lực tư duy và lập luận:

+ Nhận biết được Lớn hơn tìm ra nhóm sự vật có số lượng nhiều nhất.

+ Dựa trên các tranh, nhận biết được cách so sánh, xếp thứ tự các số trong phạm vi 10 (ở các nhóm có không quá 4 số)

**2. Phẩm chất :**

- Chăm chỉ : Rèn luyện tính cẩn thận ,nhanh nhẹn

- Trung thực: Biết tự thực hiện so sánh số lượng lớn hơn, tự đánh giá mình và bạn.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Bộ đồ dùng học toán 1.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

**TIẾT 1: Lớn hơn, dấu lớn >**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động**  - Ổn định tổ chức  - Giới thiệu bài  **2. Khám phá**  - GV hỏi: Đố các em con vịt kêu thế nào?  - GV: Hôm nay chúng ta sẽ học cách so sánh số lớn hơn với những chú vịt nhé.  bai4  - GV cho HS đếm số vịt ở hình bên trái và hình bên phải để giải thích về con số ở cạnh mỗi hình  - Yêu cầu HS so sánh số vịt 2 bên ở mỗi hình vẽ ( dùng cách ghép tương ứng 1-1)  - GV kết luận về số vịt của mỗi bên , như vậy 4 lớn hơn 3)  - HD HS viết phép so sánh : 4 > 3 vào vở  - GV làm tương tự với hình quả dưa  **3.Hoạt động**  **Bài 1: Tập viết dấu >**  - GV nêu yêu cầu của bài.  - HD HS viết dấu > vào vở  bai4  - GV cho HS viết bài  **Bài 2:**  - GV nêu yêu cầu của bài.  - GV hướng dẫn lần lượt cách thử để tìm ra đáp án đúng  bai4  - GV nhận xét , kết luận  **Bài 3: So sánh (theo mẫu):**  - Nêu yêu cầu bài tập  - HD HS đếm và so sánh sự vật có trong hình.  bai4  -Yêu cầu HS nêu số con trong ô vuông rồi nêu dấu lớn hơn trong ô trống giữa.  - GV nhận xét, kết luận  **Bài 4:**  - Nêu yêu cầu bài tập  - HD HS tìm đường đi bằng bút chì  bai4  - GV theo dõi hướng dẫn HS thực hiện  - GV nhận xét, kết luận  **3.Củng cố, dặn dò**  - Bài học hôm nay, em biết thêm điều gì?  Về nhà em cùng người thân tìm thêm nhóm sự vật có số lượng nhiều nhất hoặc ít nhất. | - Hát  - Lắng nghe  HS: vịt kêu cạp, cạp  - HS đếm số vịt để giải thích: hình bên trái có 4 con vịt và ghi số 4, hình bên phải có 3 con vịt nên ghi số 3.  - HS so sánh số vịt 2 bên ở mỗi hình vẽ (dùng cách ghép tương ứng 1-1): 4 con vịt nhiều hơn 3 con vịt.  - HS viết phép so sánh : 4 > 3 vào vở.  - HS so sánh bằng cách ghép tương ứng  - HS viết phép so sánh : 5 > 4 vào vở.  - HS viết vào vở  - HS nhắc lại  - HS theo dõi  - HS viết vào vở dấu lớn  - HS nhắc lại y/c của bài  - HS quan sát nêu miệng kết quả lần lượt: 4, 5, 8.  - HS nhận xét bạn  - HS nêu lại yêu cầu  - HS trả lời: H1: Kiến (5 và 2); H2: Cây (2 và 1); H3: Cò (7 và 2): H4: Khỉ (6) và hươu cao cổ (1).  - Nêu dấu lớn ở giữa hai số: 5>2, 2>1, 7>2, 6>1  - Nhận xét  - HS nêu lại  - HS thực hiện, nêu kết quả: 6, 7, 8,10, 9, 8, 5, 7, 6, 5.  - HS nhận xét  - Biết được dấu > và sử dụng dấu > khi so sánh hai số.  - HS thực hiện |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY( nếu có)**

|  |
| --- |
|  |
|  |
|  |

**Thứ ba ngày 27 tháng 9 năm 2023**

**Tiếng Việt**

**Bài 12: H h L l**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Năng lực**

**a. Năng lực chung:**

Tự chủ tự học: HS tự hoàn thành công việc học tập của mình.

**b. Năng lực đặc thù:**

Năng lực ngôn ngữ:

- Nhận biết và đọc đúng các âm *h, l* ; đọc đúng các tiếng, từ ngữ, câu có các âm *h, l* ; hiểu và trả lời được các câu hỏi có liên quan đến nội dung đã đọc.

- Viết đúng chữ *h, l*và các tiếng, từ có chữ *h, l.*

- Phát triển vốn từ dựa trên những từ ngữ chứa các âm *k, l* có trong bài học.

- Phát triển ngôn ngữ nói theo chủ điểm cây cối.

- Phát triển kĩ năng quan sát, nhận biết nhân vật và suy đoán nội dung các tranh minh họa trong SHS( trang 36, 37).

**2. Phẩm chất:**

Trách nhiệm: Có trách nhiệm với môi trường. HS thấy được ích lợi của cây xanh có ý thức chăm sóc và bảo vệ cây..

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV cần nắm vững đặc điểm phát âm của âm h, âm l

- GV cần nắm vũng cấu tạo và cách viết chữ ghi âm âm h, âm l.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

**TIẾT 1**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Ôn và khởi động**  - HS ôn lại chữ i ,k. GV có thể cho HS chơi trò chơi nhận biết các nét tạo ra chữ i ,k.  - HS viết chữ i ,k  **2. Nhận biết**  - HS quan sát tranh và trả lời các câu hỏi:  + Em thấy gì trong tranh?  - GV và HS thống nhất câu trả lời.  - GV nói của thuyết minh (nhận biết) dưới tranh và HS nói theo.  -GV cũng có thể đọc thành tiếng câu nhận biết và yêu cầu HS đọc theo. GV đọc từng cụm từ, sau mỗi cụm từ thi dừng lại để HS dọc theo.  GV và HS lặp lại câu nhận biết một số lần: le le bơi trên hồ.  - GV giúp HS nhận biết tiếng có âm h, âm l  ( hồ , le)và giới thiệu chữ ghi âm h, âm l.  **3. Đọc HS luyện đọc âm ô**  **a. Đọc âm**  - GV đưa chữ h lên bảng để giúp HS nhận biết chữ h trong bài học.  - GV đọc mẫu âm h  - GV yêu cầu HS đọc.  -Tương tự với âm l  **b. Đọc tiếng**  - Đọc tiếng mẫu trong SHS  + GV giới thiệu mô hình tiếng mẫu hồ, le ( trong SHS)  - Đọc tiếng trong SHS:  + Đọc tiếng chứa âm h ở nhóm thứ nhất  •GV đưa các tiếng chứa âm h ở nhóm thứ nhất: yêu cầu HS tìm điểm chung cùng chứa âm h).  • Đánh vần tiếng: Một số HS đánh vần tất cả các tiếng có cùng âm h đang học.  • GV yêu cầu HS đọc trơn các tiếng có cùng âm h đang học.  + Đọc tiếng chứa âm l tương tự  + GV yêu cầu HS đọc tất cả các tiếng.  - Ghép chữ cái tạo tiếng  + GV yêu cầu HS tự tạo các tiếng có chứa h.  + GV yêu cầu 3 4 HS phân tích tiếng, 2 - 3 HS nêu lại cách ghép.  + Lớp đọc trơn đồng thanh những tiếng mới ghép được.  Tương tự âm l  **c. Đọc từ ngữ**  - GV lần lượt đưa tranh minh hoạ cho từng từ ngữ: lá đỏ, bờ hồ, cá hố, le le  -Sau khi đưa tranh minh hoạ cho mỗi từ ngữ  GV nêu yêu cầu nói tên sự vật trong tranh.  - GV cho từ lá đỏ xuất hiện dưới tranh.  - Yêu cầu HS phân tích và đánh vần tiếng lá đỏ, đọc trơn từ lá đỏ.  -GV thực hiện các bước tương tự đối với bờ hồ, cá hố, le le  - HS đọc trơn nối tiếp, mỗi HS đọc một từ ngữ. 3 4 lượt HS đọc.  - 3 HS đọc trơn các từ ngữ. Lớp đọc đồng thanh một số lần.  **4. Viết bảng**  - GV đưa mẫu chữ h , chữ l và hướng dẫn HS quan sát.  - GV viết mẫu và nêu cách viết chữ h , chữ l.  - GV nhận xét, đánh giá chữ viết của HS. GV quan sát sửa lỗi cho HS. | -Hs chơi  -HS viết  -Hs : núi, bãi cỏ  -Hs : có cây  - HS: có vịt bơi dưới nước.  - HS nói theo.  - HS đọc: Le le/ bơi trên hồ.  - HS đọc trơn cả câu; Le le bơi trên hồ theo GV vài lần  -Hs quan sát  -Hs lắng nghe  -Một số (4 5) HS đọc âm h, sau đó từng nhóm và cả lớp đồng thanh đọc một số lần.  -Hs lắng nghe  - HS: (4-5 HS) đánh vần( hờ - ô – hô- huyền - hồ, lờ - e – le) , lớp đánh vần đồng thanh tiếng mẫu.  - HS: đọc trơn cá nhân, cả lớp tiếng mẫu.  -HS đánh vần  - HS: hé, hó,hổ có điểm chung là có âm h đứng trước.  -HS : đánh vần ( hé, ho, hổ) cá nhân , cả lớp.  - HS: đọc trơn ( hé, ho, hổ ) cá nhân, cả lớp.  -HS đọc hé, ho ,hổ, li, lọ, lỡ cá nhân. Cả lớp.  - HS ghép: hi, hò, hè, hộ,….  - HS phân tích  -HS : đọc trơn đồng thanh các bảng ghép được chọn.  -HS quan sát nêu tên  -HS phân tích và đánh vần, đọc trơn.  -HS đọc nối tiếp mỗi em 1 từ vài lượt.  -HS đọc trơn cá nhân ( 3em) tất cả các từ, lớp đồng thanh.  -Hs lắng nghe và quan sát  -Hs lắng nghe  - HS viết chữ h , chữ l (chú ý khoảng cách giữa các chữ trên một dòng).  -HS viết bảng con  - HS nhận xét, đánh giá chữ viết của bạn.  -Hs lắng nghe |

**TIẾT 2**

|  |  |
| --- | --- |
| **5. Viết vở**  - GV hướng dẫn HS tô chữ h , chữ l HS tô chữ (chữ viết thường, chữ cỡ vừa) vào vở Tập viết 1, tập một.  - GV quan sát và hỗ trợ cho những HS gặp khó khăn khi viết hoặc viết chưa đúng cách.  - GV nhận xét và sửa bài của một số HS  **6. Đọc**  - HS đọc thầm câu  - Tìm tiếng có âm h, l  -GV đọc mẫu câu  - HS đọc thành tiếng sau đó cả lớp đọc đồng thanh theo GV  - HS trả lời về nội dung đoạn văn đã đọc:  + Bé bị làm sao?  + Bà có gì?  - GV và HS thống nhất câu trả lời.  **7. Nói theo tranh**  - HS quan sát tranh trong SHS. GV đặt từng câu hỏi cho HS trả lời:  + Em thấy các cây gì trong tranh?  - GV và HS thống nhất câu trả lời.  - GV hướng dẫn HS nói về các loài cây trong tranh (có cây ăn quả) với các bộ phận khác nhau (tên các bộ phận) và lợi ích của chúng (cho quả, dùng gỗ làm nhà, chữa bệnh (liên hệ với câu “Bé bị ho. Bà đã có lá hẹ"), cho bóng mát, giữ gìn môi trường trong sạch,...).  **8. Củng cố**  - GV lưu ý HS ôn lại chữ ghi âm h, âm l.  - GV nhận xét chung giờ học, khen ngợi và động viên HS.  - Khuyến khích HS thực hành giao tiếp ở nhà: chào tạm biệt, chào khi gặp. | - HS tô chữ h , chữ l (chữ viết thường, chữ cỡ vừa) vào vở Tập viết 1, tập một.  -HS viết  -HS nhận xét  - HS đọc thẩm.  - Hs tìm: ho, lá, hẹ  - HS lắng nghe.  - HS đọc cá nhân, cả lớp đồng thanh câu.  - HS: bé bị ho  - HS: bà có lá hẹ  - HS quan sát.  -HS lắng nghe  - HS: *cây ổi, cây bầu, cây vải*  - HS: nói  -Hs lắng nghe |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY( nếu có)**

|  |
| --- |
|  |
|  |
|  |

**Tự nhiên và Xã hội**

**Chủ đề 1: GIA ĐÌNH**

**Bài 4: An toàn khi sử dụng đồ dùng trong nhà (2 tiết)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Năng lực:**

**a. Năng lực chung:**

Tự chủ và tự học:

+ Biết cách xử lí đơn giản trong tình huống mình hoặc người khác bị thương.

+ Nhớ số điện thoại trợ giúp y tế.

Giao tiếp và hợp tác: Học sinh tích cực thảo luận nhóm, tương tác với các bạn trong nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

**b. Năng lực đặc thù:**

**Năng lực nhận thức khoa học:**

+ Nêu được tên một số đồ dùng, thiết bị trong nhà nếu sử dụng không cẩn thận có thể làm bản thân hoặc người khác gặp nguy hiểm.

+ Nhận biết được một số tình huống thường gặp khi sử dụng đồ dùng, thiết bị trong nhà có thể gây nguy hiểm cho mình hoặc những người thân và cách sử dụng an toàn đồ dùng, thiết bị điện.

**Năng lực tìm hiểu môi trường tự nhiên và xã hội xung quanh:**

+ Học sinh đặt được các câu hỏi đơn giản tìm hiểu về một số đồ dùng thiết bị trong nhà.

+ Học sinh quan sát tranh ( SGK) tự nêu yêu cầu cho bạn trả lời.

+ Nhận biết được một số tình huống thường gặp khi sử dụng đồ dùng, thiết bị trong nhà có thể gây nguy hiểm cho mình hoặc những người thân và cách sử dụng an toàn đồ dùng, thiết bị điện.

**Năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng:**

+ Có ý thức giữ gìn an toàn cho bản thân và những người xung quanh

**2. Phẩm chất :**

-Chăm chỉ: Học sinh tự giác sử dụng đồ dùng an toàn trong nhà.

-Trách nhiệm: Yêu quý, biết cách sử dụng đồ dùng trong nhà an toàn.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

-GV:

+ Hình trong SGK phóng to 2-3 bộ hình đồ dùng, vật dụng trong nhà.

+ Phích cắm điện.

- HS: Tranh ảnh về một số đồ dùng có thể gây nguy hiểm trong nhà.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

**TIẾT 1**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Mở đầu:**  - GV chiếu trên màn hình một số hình ảnh về các tình huống một bạn dùng bút chì giơ gần mặt bạn, một bạn dùng kéo cắt tóc bạn, sau đó yêu cầu HS nhận xét về những hành động đó rồi dẫn dắt vào tiết học.  **2. Hoạt động khám phá**  - Từ những hiểu biết của HS ở hoạt động kết nối, GV Có thể kể thêm một số đồ dùng sắc nhọn khác trong nhà mà HS chưa biết.  - GV hướng dẫn HS quan sát hình trong SGK, đưa ra câu hỏi gợi ý cho HS:    -Trong phòng bếp nhà Hoa ,mẹ Hoa đang làm gì?  -Khi sử dụng dao và đồ dung sắc nhọn em cần làm gì?  - GV nhấn mạnh lại một số đồ dùng sắc nhọn thưởng có trong nhà và hướng dẫn cách sử dụng an toàn những đồ dùng đó.  Từ đó rút ra cách sử dụng dao an toàn đúng cách:Các em hãy cẩn thân với đồ dùng sắc nhọn nhé!  Yêu cầu cần đạt: Nêu được tên một số đồ dùng, vật dụng trong nhà có thể khiến bản thân hoặc người khác bị thương nếu sử dụng không đúng cách; kĩ năng sử dụng dao và đồ dùng sắc nhọn an toàn.  **3. Hoạt động thực hành**  GV có thể hướng dẫn HS làm việc cặp đôi quan sát các hình ở SGK, đưa ra câu hỏi gợi ý cho các em nhận biết nội dung ý nghĩa của từng hình:    - Trong tranh 1 em hay chỉ ra hình ảnh cầm dao an toàn và đúng cách?  -Khi đưa kéo cho người đối diện em cần chú ý điều gì?  -Người chị đang hướng dẫn em sử dụng kéo như thế nào?  Từ đó GV rút ra kết luận: Khi dùng dao, kéo hoặc những đổ dùng dễ vỡ và sắc nhọn, cần phải rất cẩn thận để tránh bị đứt tay và mất an toàn.  Yêu cầu cần đạt: Biết cách nhận biết, sử dụng an toàn một số đồ dùng, vật dụng sắc nhọn,  **4.Hoạt động vận dụng**  GV hướng dẫn HS quan sát hình trong SGK và đưa ra câu hỏi gợi ý :    +Khi bị đứt tay do dao hoặc đồ dùng sắc nhọn, em cần làm gì?  -Sau đó GV tổng kết lại cách xử lí mà các em có thể làm được khi mình gặp tình huống đó.  Yêu cầu cần đạt: HS nhận biết được nhiều đồ dùng sắc nhọn có thể gây nguy hiểm cho mình hoặc người khác và tự biết cách xử lý trong những tình huống đơn giản khi mình hoặc người khác bị thương,  **5. Đánh giá**  Kể được tên một số đồ dùng, vật dụng trong nhà có thể làm cho bản thân hoặc người khác bị thương và cách sử dụng đồ dùng, vật dụng đó đúng cách và an toàn, đồng thời biết cách xử lý trong những tình huống đơn giản.  **6. Hướng dẫn về nhà**  Chú ý sử dụng an toàn các đồ dùng sắc nhọn.  **\* Tổng kết tiết học**  - Nhắc lại nội dung bài học  - Nhận xét tiết học  - Hướng dẫn hs chuẩn bị bài sau | - HS trả lời:Hành đông của bạn ấy gây nguy hiểm cho cả bản thân và người đối diện.   * - HS quan sát   -HS trả lời:-Trong phòng bếp nhà Hoa ,mẹ hướng dẫn Hoa cách cầm dao đúng cách.  -Khi sử dụng dao và đồ dùng sắc nhọn em cần phải thật cẩn thận.  - HS lắng nghe  - HS làm việc nhóm đôi  -Đại diện nhóm trình bày,bổ sung.  -HS trả lời:  +tranh c  +Khi đưa kéo cho người đối diện em cần chú ý: phải hướng đầu nhọn về phía mình và đưa đầu chuôi (cán)cho người khác.  +Em cầm kéo như chị và cắt từ từ.Đừng để tay giữ giấy gần lưỡi kéo nhé!  - HS lắng nghe  - HS quan sát tranh.  - HS trả lời:Em tự băng ngón tay / gọi người thân giúp đỡ.  -HS lắng nghe  - HS kể : mảnh vỡ của chén,ly, dao,kéo,đinh,dao lam,compa,kim may quần áo, .....  -HS nêu cách sử dụng đồ dùng một cách an toàn  - HS lắng nghe. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY( nếu có)**

|  |
| --- |
|  |
|  |
|  |

**Thứ tư ngày 28 tháng 9 năm 2023**

**Tiếng Việt**

**Bài 13: U u Ư ư**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Năng lực:**

**a. Năng lực chung:**

Tự chủ tự học: HS tự hoàn thành công việc học tập của mình.

**b. Năng lực đặc thù:**

Năng lực ngôn ngữ:

- Nhận biết và đọc đúng các âm *u, ư* ; đọc đúng các tiếng, từ ngữ, câu có các âm *u, ư*; hiểu và trả lời được các câu hỏi có liên quan đến nội dung đã đọc.

- Viết đúng chữ *u, ư* và các tiếng, từ có chữ  *u, ư.*

- Phát triển vốn từ dựa trên những từ ngữ chứa các âm *u, ư* có trong bài học.

- Phát triển ngôn ngữ nói theo chủ điểm cây cối.

- Phát triển kĩ năng quan sát, nhận biết nhân vật và suy đoán nội dung các tranh minh

**2. Phẩm chất:**

Giao tiếp hợp tác: mạnh dạng, tự tin khi giới thiệu cùng các bạn.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Nắm vững đặc điểm phát ảm của các âm u, ư; cấu tạo và cách viết các chữ u, u; nghĩa của các từ ngữ trong bài học và cách giải thích nghĩa của những từ ngữ này.

- GV hiểu được sao nhi đồng là một hình thức tập hợp nhi đồng từ 6 – 8 tuổi (tương đương từ lớp 1 đến lớp 3), để giáo dục nhi đồng theo Năm điều Bác Hồ dạy, hướng dẫn nhi đóng làm quen với phương thức sinh hoạt tập thể, phấn đấu trở thánh đội viên Đội Thiếu niên tiên phong (TNTP) Hồ Chí Minh.

+ Cách tổ chức sao: từ 5 đến 10 em có thể hợp thành 1 sao (trong sao không quá 15 em).

+ Phụ trách sao: là một đội viên Đội TNTP Hồ Chí Minh (thường là các anh, chị lớp trên).

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

**TIẾT 1**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Ôn và khởi động**  - HS ôn lại chữ h,l. GV có thể cho HS chơi trò chơi nhận biết các nét tạo ra chữ h,l.  - HS viết chữ h,l  **2. Nhận biết**  - HS quan sát tranh và trả lời các câu hỏi:  + Em thấy gì trong tranh?  - GV và HS thống nhất câu trả lời.  - GV nói câu thuyết minh (nhận biết dưới tranh và HS nói theo.  - GV cũng có thể đọc thành tiếng câu nhận biết và yêu cầu HS đọc theo.  GV đọc từng cụm từ, sau mỗi cụm từ thì dừng lại để HS dọc theo. GV và HS lặp lại câu nhận biết một số lần: Đu đủ/ chín/ ngọt lừ.  - GV giúp HS nhận biết tiếng có âm u, ư và giới thiệu chữ ghi âm u, ư.  **3. Đọc HS luyện đọc âm**  **a. Đọc âm**  - GV đưa chữ u lên bảng để giúp HS nhận biết chữ u trong bài học.  - GV đọc mẫu âm u.  -GV yêu cầu HS đọc âm , sau đó từng nhóm và cả lớp đồng thanh đọc một số lần.  -Tương tự với chữ ư  **b. Đọc tiếng**  - Đọc tiếng mẫu  + GV giới thiệu mô hình tiếng mẫu (trong SHS): đủ, lừ.  GV khuyến khích HS vận dụng mô hình các tiếng đã học để nhận biết mô hình và đọc thành tiếng đủ, lừ.  + GV yêu cầu HS đánh vần tiếng mẫu đủ, lừ.  + GV yêu cầu HS đọc trơn tiếng mẫu. Cả lớp đọc trơn đồng thanh tiếng mẫu.  - Đọc tiếng trong SHS  + Đọc tiếng chứa âm u  •GV đưa các tiếng yêu cầu HS tìm điểm chung  • Đánh vấn tiếng: GV yêu cầu HS đánh vần tất cả các tiếng có cùng âm u.  • GV yêu cầu đọc trơn các tiếng có cùng âm u.  + Đọc tiếng chứa âm ư Quy trình tương tự với quy trình đọc tiếng chứa âm u.  + Đọc trơn các tiếng chứa các âm u, ư đang học: Một số (3 4) HS đọc trơn, mỗi HS đọc trơn 3- 4 tiếng có cà hai âm u, ư.  + HS đọc tất cả các tiếng.  - Ghép chữ cái tạo tiếng  + HS tự tạo các tiếng có chứa u, ư.  + GV yêu cầu 3 4 HS phân tích tiếng, 2 - 3 HS nêu lại cách ghép.  + Lớp đọc trơn đồng thanh những tiếng mới ghép được.  **c. Đọc từ ngữ**  - GV lần lượt đưa tranh minh hoạ cho từng từ dù, đu đủ, hồ dữ. Sau khi đưa tranh minh hoạ cho mỗi từ ngữ, chẳng hạn ca  - GV nêu yêu cầu nói tên sự vật trong tranh,  - GV cho từ dù xuất hiện dưới tranh  - GV yêu cầu HS phân tích và đánh vần dù, đọc trơn từ dù. GV thực hiện các bước tương tự đối với đu đủ, hồ dữ  - GV yêu cầu HS đọc trơn nối tiếp, mỗi HS đọc một từ ngữ. 3, 4 lượt HS đọc, 2 3 HS đọc trơn các từ ngữ. Lớp đọc đồng thanh một số lần.  **d. Đọc lại các tiếng, từ ngữ**  Từng nhóm và sau đó cả lớp đọc đồng thanh một lần.  **4. Viết bảng**  - GV đưa mẫu chữ u, ư và hướng dẫn HS quan sát.  - GV viết mẫu và nêu cách viết chữ u, ư.  - HS viết chữ u, ư (chữ cỡ vừa) vào bảng con. Chú ý khoảng cách giữa các chữ trên một dòng  - HS nhận xét, đánh giá chữ viết của bạn.  - GV nhận xét, đánh giá chữ viết của HS. GV quan sát sửa lỗi cho HS. | -Hs chơi  -HS viết  -HS: đu đủ, dĩa đu đủ trên bàn, bé ăn đu đủ  - HS nói theo.  - HS đọc  - HS đọc: Đu đủ/ chín/ ngọt lừ.  -Hs lắng nghe  -Hs quan sát  -Hs lắng nghe  -Một số (4 5) HS đọc âm u, sau đó từng nhóm và cả lớp đồng thanh đọc một số lần.  -Hs lắng nghe  - Một số (4 5) HS đánh vần tiếng mẫu đủ, lừ  - Lớp đánh vần đồng thanh tiếng mẫu.  - Một số (4 - 5) HS đọc trơn tiếng mẫu. Cả lớp đọc trơn đồng thanh tiếng mẫu.  -HS đọc  -HS quan sát  - HS đánh vần tất cả các tiếng có cùng âm u.  ( dù, đủ, hũ)  -HS đọc: dù, đủ, hũ.  -HS đọc  -HS đọc cá nhân (4em): (dù, đủ, hũ,)  - HS đọc cá nhân (cử,dự, lữ)  -HS đọc cá nhân (dù, đủ, hũ,cử,dự, lữ)  -HS tự tạo: cũ, hù, lự, dư, cừ,….  -HS phân tích và đánh vần  -HS đọc các tiếng được chọn  -HS quan sát  -HS nói: dù, tiếng *dù* có âm d đứng trước, âm u đứng sau dấu huyền trên u. đánh vần.  -HS quan sát nói tiếng tiếp theo  -HS : đọc trơn cá nhân(*dù, đu đủ, hổ dữ*) 4 lượt, cả lớp.  -HS đọc *dù, đủ,hũ,cử,dự,lữ ,dù, đu đủ, hổ dữ.*  HS quan sát  -Hs lắng nghe và quan sát  -HS viết con lần lượt u ư, đu đủ hổ dữ.  -HS nhận xét  -Hs lắng nghe |

**TIẾT 2**

|  |  |
| --- | --- |
| **5. Viết vở**  - GV hướng dẫn HS tô chữ b HS tô chữ u, ư (chữ viết thường, chữ cỡ vừa) vào vở Tập viết 1, tập một.  - GV quan sát và hỗ trợ cho những HS gặp khó khăn khi viết hoặc viết chưa đúng cách.  - GV nhận xét và sửa bài của một số HS  **6. Đọc**  - HS đọc thầm  - Tìm tiếng có âm u, ư  -GV đọc mẫu câu  - HS quan sát tranh và trả lời các câu hỏi:  + Cá hổ là loài cả như thế nào?  - GV và HS thống nhất câu trả lời.  **7. Nói theo tranh**  - HS quan sát tranh trong SHS. GV đặt từng câu hỏi cho HS trả lời:  + Các em nhìn thấy trong tranh có những ai? + Những người ấy đang ở đâu?  + Họ đang làm gi?  - GV hướng dẫn HS nói về hoạt động sinh hoạt sao ở trường tiểu học, đóng vai Nam, 1 HS khác đóng vai Chị sao đỏ.  - Gv chia HS thành các nhóm  - Đại diện một nhóm thể hiện nội dung trước cả lớp, GV và HS nhận xét.  **8. Củng cố**  - GV lưu ý HS ôn lại chữ ghi âm u, ư.  - GV nhận xét chung giờ học, khen ngợi và động viên HS.  - Khuyến khích HS thực hành giao tiếp ở nhà: chào tạm biệt, chào khi gặp. | - HS tô chữ u, ư (chữ viết thường, chữ cỡ vừa) vào vở Tập viết 1, tập một.  -HS viết  -HS nhận xét  - HS đọc thầm.  - Hs tìm: dữ  - HS lắng nghe.  - HS đọc thành tiếng câu (theo cả nhân và nhóm), sau đó cả lớp đọc đồng thanh theo GV  - HS quan sát.  - HS : *cá hổ là cá dữ*.  - HS quan sát.  - HS : các bạn học sinh  - HS : đang ở sân trường  - HS : đang thảo luận, trò chuyện.  -HS lắng nghe  -HS thực hiện  -HS thể hiện, nhận xét  -Hs lắng nghe |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY( nếu có)**

|  |
| --- |
|  |
|  |
|  |

**Toán**

**Bài 4:So sánh số**

**(4 tiết)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Năng lực :**

**a. Năng lực chung:**

- Năng lực tự chủ và tự học: Bước đầu biết quan sát, so sánh số lượng và sử dụng từ “lớn hơn” khi so sánh, sử dụng dấu > khi so sánh các số.

- Năng lực giao tiếp hợp tác: Biết trao đổi, giúp đỡ nhau hoàn thành các bài tập theo quan hệ lớn hơn.

**b. Năng lực đặc thù:**

- Năng lực tư duy và lập luận:

+ Nhận biết được Lớn hơn tìm ra nhóm sự vật có số lượng nhiều nhất.

+ Dựa trên các tranh, nhận biết được cách so sánh, xếp thứ tự các số trong phạm vi 10 (ở các nhóm có không quá 4 số)

**2. Phẩm chất :**

- Chăm chỉ : Rèn luyện tính cẩn thận ,nhanh nhẹn

- Trung thực: Biết tự thực hiện so sánh số lượng lớn hơn, tự đánh giá mình và bạn.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Bộ đồ dùng học toán 1.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

**TIẾT 2:Bé hơn, dấu <**

|  |  |
| --- | --- |
| **1. Khởi động**  - Ổn định tổ chức  - Giới thiệu bài  **2. Khám phá**  - GV : Hôm trước chúng ta học về dấu >, hôm nay chúng ta học về dấu <.  - Yêu cầu HS đếm số chim  bai4  - GV hỏi: Bên nào có số chim ít hơn  - GV kết luận: số 2 bé hơn số 3  - HD HS viết : 2< 3 vào vở  - GV làm tương tự với hình minh họa bầy kiến  **3.Hoạt động**  **Bài 1: Tập viết dấu <**  - GV nêu yêu cầu của bài.  - HD HS viết dấu < vào vở  - GV theo dõi, sửa chữa.  **Bài 2: Tìm số thích hợp**  - GV nêu yêu cầu của bài.  bai4  - GV hướng dẫn lần lượt cách thử để tìm ra đáp án đúng  - Gv nhận xét , kết luận  **Bài 3:**  - Nêu yêu cầu bài tập  - HD HS đếm nhóm sự vật có trong hình**,** nêu số trong ô vuông rồi nêu dấu bé hơn trong ô tròn ở giữa.  bai4  GV nhận xét, kết luận  **Bài 4:**  - Nêu yêu cầu bài tập  - HD HS ghép  - GV theo dõi hướng dẫn HS thực hiện  bai4  - GV nhận xét, kết luận  **3.Củng cố, dặn dò**  - Bài học hôm nay, em biết thêm điều gì?  - Về nhà em cùng người thân tìm thêm nhóm sự vật có số lượng nhiều nhất hoặc ít nhất. | - Hát  - Lắng nghe  - HS đếm số chim  - HS trả lời: cành cây bên trái có số chim ít hơn.  - HS so sánh  - HS viết vào vở: 2< 3  - HS nhắc lại  - HS viết vào vở dấu <  - HS nhắc lại y/c của bài  - HS quan sát, so sánh và nêu miệng kết quả: 4, 8, 9.  - HS nhận xét bạn  - HS nêu  - HS thực hiện, nêu kết quả: 4, 5; 3, 6; 3, 4; 2, 4  4<5, 3<6, 3<4, 2<4.  - Nhận xét  - HS nêu  - HS thực hiện, nêu kết quả: cho xe có 2 bó cỏ vào chuồng thứ nhất, xe có 3 bó cỏ vào chuồng thứ hai.  - HS nhận xét  - Biết dấu < và sử dụng dấu bé để so sánh hai số.  - HS theo dõi, lắng nghe |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY( nếu có)**

|  |
| --- |
|  |
|  |
|  |

*Thứ năm ngày 28 tháng 9 năm 2023*

**Đạo đức**

**Chủ đề 1: TỰ CHĂM SÓC BẢN THÂN**

**Bài 4: Em giữ trang phục gọn gàng, sạch sẽ**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Năng lực:**

a. **Năng lực chung**

- Tự chủ và tự học: Tự thực hiện giữ trang phục gọn gàng, sạch sẽ đúng cách

**b. Năng lực đặc thù**

**Năng lực điều chỉnh hành vi**

- NL nhận thức chuẩn mực hành vi: Nêu được các việc cần làm để giữ trang phục gọn gàng, sạch sẽ; trình bày được vì sao phải làm như thế.

- NL điều chỉnh hành vi: Tự thực hiện giữ trang phục gọn gàng, sạch sẽ đúng cách

**Năng lực phát triển bản thân**

- Thực hiện các việc chăm sóc bản thân như giữ trang phục gọn gàng, sạch sẽ.

- Tự tìm hiểu thêm một số cách để chăm sóc bản thân nói chung, giữ trang phục gọn gàng, sạch sẽ nói riêng qua việc học bạn, người thân, những người xung quanh, thầy cô,....

**2.Phẩm chất :**

- Chăm chỉ: Thường xuyên thực hiện các công việc để giữ trang phục gọn gàng, sạch sẽ có ý thức vận dụng kiến thức đã học vào cuộc sống.

- Trách nhiệm: Có ý thức giữ trang phục gọn gàng, sạch sẽ .

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**GV: -** SGK, SGV, vở bài tập đạo đức 1

* Tranh ảnh, truyện, hình dán mặt cười– mặt mếu, âm nhạc (bài hát “Chiếc áo mùa đông” sáng tác Vũ Hoàng
* Máy tính, bài giảng PP

**HS:** SGK, vở bài tập đạo đức 1

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động**  - GV tổ chức cho cả lớp hát bài “Chiếc áo mùa đông”  dd4  - GV đưa ra câu hỏi cho cả lớp: Bạn nhỏ cần làm gì để giữ gìn chiếc áo mùa đông mà mẹ đan tặng?  - GV góp ý đưa ra kết luận: Để có trang phục gọn gàng, sạch sẽ em cần biết giữ gìn trang phục hằng ngày.  - Giới thiệu bài: Hôm nay chúng ta cùng nhau học thêm 1 bài trong chủ đề Tự chăm sóc bản thân. ***Bài 4: Em giữ trang phục gọn gàng, sạch sẽ.***  **2. Khám phá**  **Hoạt động 2.1:Tìm hiểu vì sao phải giữ trang phục gọn gàng, sạch sẽ**  - GV chiếu hình hoặc treo tranh lên bảng  dd4  - GV đặt câu hỏi theo tranh:  + Tranh vẽ gì?  + Giới thiệu 2 bạn Minh và Nam ( chỉ vào tranh) và sử dụng câu chuyện dẫn dắt tình huống trong tranh. *(Sáng nay Minh dậy sớm, Sau khi đánh răng, rửa mặt và ăn sáng, Minh mặc bộ đồ đi học đã được mẹ chuẩn bị trước và đi tới lớp. Minh rất tự tin và cảm thấy thoải mái khi mặc bộ đồ sạch sẽ ấy. Khi đến lớp, Minh thấy Nam mặc bộ đồ nhăn nhúm đến lớp.Hỏi ra mới biết do Nam dậy muộn.)*  + Trang phục của Minh thế nào?  + Trang phục của Nam thế nào?  + Minh cảm thấy thế nào khi mặc bộ đồ mẹ chuẩn bị?  + Vì sao Nam lại mặc bộ nhăn nhúm, luộm thuộm khi đến lớp?  + Em thích bạn nào hơn?  + Vì sao em thích Minh?  + Vì sao em cần giữ trang phục gọn gàng, sạch sẽ?  - Giáo viên lắng nghe, khen ngợi HS trình bày tốt.  Kết luận:Trang phục gọn gàng, sạch sẽ giúp em tự tin, vui vẻ và thoải mái hơn. Trang phụ gọn gàng, sạch sẽ giúp em đẹp hơn trong mắt mọi người  **Hoạt động 2. 2: Em mặc và giữ trang phục gọn gàng, sạch sẽ.**  - GV chiếu hình hoặc treo tranh lên bảng  dd4  - GV đặt câu hỏi theo tranh: Quan sát tranh và cho biết:  + Để kiểm tra xem đã mặc trang phục gọn gàng chưa, chúng ta cần làm gì?  -GV gợi ý các hành động:  +Tranh 1: Bẻ cổ áo  +Tranh 2: Kiểm tra cài cúc áo  +Tranh 3: Kiểm tra việc cho áo vào quần  +Tranh 4: Kiểm tra việc cài quai dép  -GV mời cả lớp cùng đứng tại chỗ thực hiện kiểm tra và chỉnh lại trang phục của mình.  **Kết luận:**Để mặc trang phục gọn gàng, em cần vuốt thẳng ảo, bẻ cổ áo cho gọn gàng, kiểm tra cúc áo cài lệch, bỏ áo vào quần, kiểm tra cài quai dép…  - GV tiếp tục chiếu tranh  - Gv hỏi: Chúng ta sẽ làm gì để giữ trang phục gọn gàng, sạch sẽ?  **Kết luận: Những việc cần làm: giặt sạch, phơi khô quần áo, cất quần áo đúng nơi quy định;…**  **3. Luyện tập**  **Hoạt động 3.1: Em chọn bạn biết giữ trang phục gọn gàng, sạch sẽ**  - GV chiếu hình hoặc treo tranh lên bảng hoặc trong SGK  dd4  -GV hỏi: Bạn nào trong tranh đã biết giữ trang phục gọn gàng, sạch sẽ?  - Gv gợi mở để HS chọn những bạn biết giữ trang phục gọn gàng, sạch sẽ (tranh1,2), bạn chưa biết giữ trang phục gọn gàng, sạch sẽ (tranh 3)  **Kết luận: Em cần học tập hành động** giữ trang phục gọn gàng, sạch sẽ**của các bạn tranh 1,2; không nên làm theo hành động của các bạn tranh 3.**  **Hoạt động 3.2: Chia sẻ cùng bạn**  - GV nêu yêu cầu: Hãy chia sẻ với các bạn cách em giữ trang phục gọn gàng, sạch sẽ của em  -GV nhận xét và điều chỉnh cho HS  **4.Vận dụng**  **Hoạt động 4.1: Đưa ra lời khuyên cho bạn**  dd4- GV chiếu hình hoặc treo tranh lên bảng hoặc trong SGK  -GV giới thiệu tình huống hỏi: Em sẽ khuyên bạn điều gì?  - GV phân tích chọn ra lời khuyên phù hợp nhất  **Kết luận:Chúng ta không nên cởi áo ra để chơi đùa, nếu đã cởi ra cần gấp gọn và để ở nơi sạch sẽ. Không vứt áo dưới sân trường.**  **Hoạt động 4.2: Em rèn thói quen giữ trang phục gọn gàng, sạch sẽ**  -GV gợi ý để HS chia sẻ cách giữ trang phục gọn gàng, sạch sẽ.  - Cho HS chỉnh lại trang phục của mình.  **Kết luận:Em luôn rèn thói quen giữ gìn trang phục gọn gàng, sạch sẽ.**  **-Cho HS đọc câu ghi nhớ cuối bài**  dd4  **Củng cố, dặn dò:**  **-Chúng ta vừa học bài gì ?**  **-Tuyên dương, dặn dò.**  **- Nhận xét tiết học.** | -HS hát  -HS trả lời  -HS nhắc lại tên đề bài  - HS quan sát tranh  - HS quan sát, trả lời  - HS lắng nghe, bổ sung ý kiến cho bạn vừa trình bày.     -HS lắng nghe      - Học sinh trả lời        - Trang phục của Minh được chuẩn bị trước và cảm thấy tự tin  -Trang phục của Nam nhăn nhúm  - Minh cảm thấy tự tin khi mặc bộ đồ mẹ chuẩn bị.  -Nam mặc áo quần nhăn nhúm luộm thuộm vì khôngchuẩn bị  …..  -Trang phục gọn gàng, sạch sẽ giúp em tự tin, vui vẻ và thoải mái hơn.  - HS tự liên hệ bản thân kể ra.      - HS kiểm tra và chỉnh lại trang phục của mình.  - HS quan sát  -HS trả lời  -HS trả lời  -HS chia sẻ  -HS nêu  -HS lắng nghe  -HS thảo luận và nêu  -HS lắng nghe  -HS lắng nghe  -HS nêu  - HS đọc thông điệp và ghi nhớ.  - HS trả lời.  **- Chúng ta không nên cởi áo ra để chơi đùa, nếu đã cởi ra cần gấp gọn và để ở nơi sạch sẽ. Không vứt áo dưới sân trường.**  **HS đọc câu ghi nhớ cuối bài**  HS nêu |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY( nếu có)**

|  |
| --- |
|  |
|  |
|  |

**Tiếng Việt**

**Bài 14: Ch ch Kh kh**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Năng lực:**

**a. Năng lực chung:**

Giao tiếp, hợp tác: Biết tham gia đóng góp ý kiến cùng các bạn khi tham gia học nhóm.

**b. Năng lực đặc thù:**

- Năng lực ngôn ngữ:

+ Nhận biết và đọc đúng các âm *ch, kh* ; đọc đúng các tiếng, từ ngữ, câu có các âm *ch, kh* ; hiểu và trả lời được các câu hỏi có liên quan đến nội dung đã đọc.

+Viết đúng chữ *ch, kh* và các tiếng, từ có chữ  *ch, kh*

+ Phát triển vốn từ dựa trên những từ ngữ chứa các âm *ch, kh* có trong bài học.

+ Phát triển ngôn ngữ nói theo chủ điểm *Cá cảnh*

+ Phát triển kĩ năng quan sát, nhận biết một số loài vật và món ăn gần giũ, quen thuộc như : khỉ, cá, cá kho.

- Năng lực tính toán: Nhận biết và đếm dược có 3 chú khỉ đang ăn chuối.

**2. Phẩm chất:**

Trách nhiệm: Có trách nhiệm với môi trường sống, có ý thức chăm sóc và bảo vệ các loài cá.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Nắm vững đặc điểm phát âm của âm ch, kh; cấu tạo và cách viết các chữ ghi âm ở, dấu ngã; nghĩa của các từ ngữ trong bài học và cách giải thích nghĩa của những từ ngữ này. Chủ ý nghĩa của những từ ngữ khó hoặc dễ nhầm lẫn.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

**TIẾT 1**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Ôn và khởi động**  - HS ôn lại chữ u, ư. GV có thể cho HS chơi trò chơi nhận biết các nét tạo ra chữ u, ư.  - HS viết chữ u, ư  **2. Nhận biết**  - HS quan sát tranh và trả lời các câu hỏi:  + Em thấy gì trong tranh?  - GV và HS thống nhất câu trả lời.  - GV nói câu thuyết minh (nhận biết dưới tranh và HS nói theo.  - GV cũng có thể đọc thành tiếng câu nhận biết và yêu cầu HS đọc theo.  GV đọc từng cụm từ, sau mỗi cụm từ thì dừng lại để HS dọc theo. GV và HS lặp lại câu nhận biết một số lần: Mấy chú khỉ ăn chuối  - GV hướng dẫn HS nhận biết tiếng có âm ch, âm kh; giới thiệu chữ ghi âm ch, âm kh.  **3. Đọc HS luyện đọc âm**  **a. Đọc âm**  - GV đưa chữ ch lên bảng để giúp HS nhận biết chữ ch trong bài học.  - GV đọc mẫu âm ch  -GV yêu cầu HS đọc âm ch sau đó từng nhóm và cả lớp đồng thanh đọc một số lần.  -Tương tự âm kh  **b. Đọc tiếng**  - Đọc tiếng mẫu  + GV giới thiệu mô hình tiếng mẫu (trong SHS): chú, khỉ  GV khuyến khích HS vận dụng mô hình các tiếng đã học để nhận biết mô hình và đọc thành tiếng chú, khỉ.  + GV yêu cầu HS đánh vần tiếng mẫu chú, khỉ  + GV yêu cầu HS đọc trơn tiếng mẫu. Cả lớp đọc trơn đồng thanh tiếng mẫu.  - Đọc tiếng trong SHS:  \* Đọc tiếng chưa âm ch  \*GV đưa các tiếng chứa âm ch. Yêu cầu Hs tìm điểm chung( cùng chứa âm ch)  Chè, chỉ, chợ  - Đọc tiếng chứa âm kh;  Quy trình tương tự như ch.  - Đọc trơn các tiếng chứa âm đang học, ch, kh  - Ghép chữ cái tạo tiếng : HS tự tạo các tiếng có chứa ch, kh  - GV yêu cầu 3 -4 HS phân tích tiếng. 2- 3 HS nêu lại cách ghép.  **c. Đọc từ ngữ**  - GV lần lượt đưa tranh minh hoạ cho từng từ lá khô, chú khỉ, chợ cá. Sau khi đưa tranh minh hoạ cho mỗi từ ngữ  - GV nêu yêu cầu nói tên sự vật trong tranh, - GV cho từ lá khô xuất hiện dưới tranh  - GV yêu cầu HS phân tích và đánh vần tiếng lá khô, đọc trơn từ lá khô.  - GV thực hiện các bước tương tự đối với chú khỉ, chợ cá.  - GV yêu cầu HS đọc trơn nối tiếp, mỗi HS đọc một từ ngữ. 3 4 lượt HS đọc, 2 3 HS đọc trơn các từ ngữ. Lớp đọc đồng thanh một số lắn.  **d. Đọc lại các tiếng, từ ngữ**  Từng nhóm và sau đó cả lớp đọc đồng thanh một lần.  **4. Viết bảng**  - GV đưa mẫu chữ ch, kh và hướng dẫn HS quan sát.  - GV viết mẫu và nêu cách viết chữ ch, kh.  - HS viết chữ ch, kh  - HS nhận xét, đánh giá chữ viết của bạn.  - GV nhận xét, đánh giá chữ viết của HS. GV quan sát sửa lỗi cho HS. | -Hs chơi  -HS viết  -Hs :các chú khỉ, mấy quả chuối  -Hs : Mấy chú khỉ ăn chuối.  - HS nói theo.  - HS đọc: Mấy chú khỉ/ ăn chuối.vài lần  -Hs lắng nghe  -Hs quan sát  -Hs lắng nghe  -Một số (4 5) HS đọc âm ch sau đó từng nhóm và cả lớp đồng thanh đọc một số lần.  -Hs lắng nghe  -Hs lắng nghe  - Một số (4 5) HS đánh vần tiếng mẫu chú, khỉ  - HS đánh vần cá nhân, - Lớp đánh văn đồng thanh tiếng mẫu.  - Một số (4 - 5) HS đọc trơn tiếng mẫu. Cả lớp đọc trơn đồng thanh tiếng mẫu.  - HS: chè , chỉ, chợ ( có điểm chung là âm ch đứng đầu)  - Hs: đánh vần cá nhân, cả lớp  - Hs cá nhân , cả lớp đồng thanh ( chè, chỉ, chợ)  - Hs: mỗi em đọc 3 âm, đọc 3 lượt  - Hs: đọc trơn tất cả các tiếng chứa âm ch, kh  -HS tự tạo: chị, chó, chú, khe, khò, khó,…  -HS phân tích  - HS đồng thanh các tiếng được chọn  -HS quan sát  -HS nói: lá khô  -HS phân tích và đánh vần tiếng lá, đọc trơn lá khô.  - HS nói  -HS đọc nối tiếp lần lượt các từ dưới tranh 4 lượt, cả lớp đồng thanh vài lần.  -HS đọc lại dãy , cả lớp phần Đọc  -Hs lắng nghe và quan sát  -Hs lắng nghe  -HS viết bảng con  -HS nhận xét  -Hs lắng nghe |

**TIẾT 2**

|  |  |
| --- | --- |
| **5. Viết vở**  - GV hướng dẫn HS tô chữ ch, kh HS tô chữ (chữ viết thường, chữ cỡ vừa) vào vở Tập viết 1, tập một.  - GV quan sát và hỗ trợ cho những HS gặp khó khăn khi viết hoặc viết chưa đúng cách.  - GV nhận xét và sửa bài của một số HS  **6. Đọc**  - HS đọc thầm  - Tìm tiếng có âm ch, kh  -GV đọc mẫu câu  - HS quan sát tranh và trả lời các câu hỏi:  + Chị có gì?  - GV và HS thống nhất câu trả lời.  **7. Nói theo tranh**  - HS quan sát tranh trong SHS. GV đặt từng câu hỏi cho HS trả lời:  + Em thấy gi trong tranh?  + Theo em, cá cảnh và cá làm thức ăn có gì khác nhau?  + Em có thích nuôi cả cảnh không? Vì sao?  - GV và HS thống nhất câu trả lời.  - Gv chia HS thành các nhóm, dựa vào nội dung đã trả lời ở trên, HS có thể trao đổi thêm về tên một số loài cá, lợi ích của chúng đối với cuộc sống của con người.  - Đại diện một nhóm thể hiện nội dung trước cả lớp, GV và HS nhận xét.  **8. Củng cố**  - GV lưu ý HS ôn lại chữ ghi âm ch, âm kh.  - GV nhận xét chung giờ học, khen ngợi và động viên HS.  - Khuyến khích HS thực hành giao tiếp ở nhà: chào tạm biệt, chào khi gặp. | - HS tô chữ (chữ viết thường, chữ cỡ vừa) vào vở Tập viết 1, tập một.  -HS viết  -HS nhận xét  - HS đọc thầm.  - Hs tìm: chị, kho, khế.  - HS lắng nghe.  - HS đọc thành tiếng (theo cả nhân và nhóm), sau đó cả lớp đọc đồng thanh theo GV  - HS: chị có cá kho khế  - HS quan sát.  - HS :bể cá, bạn nhỏ  - HS : cá cảnh là để chơi, cá làm thức ăn để ăn.  - HS: có, vì nó rất đẹp.  - HS quan sát.  - HS hỏi, 1 Hs trả lời  -  -HS thể hiện, nhận xét  -Hs lắng nghe |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY( nếu có)**

|  |
| --- |
|  |
|  |
|  |

**Toán (LT)**

**LUYỆN TẬP: NHIỀU HƠN, ÍT HƠN, BẰNG NHAU**

**(tiết 1)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Phát triển các kiến thức.**

- Củng cô biểu tượng ban đầu về nhiều hơn, ít hơn, bằng nhau

- Củng cố kĩ năng so sánh số lượng của hai nhóm đồ vật qua sử dụng các từ *nhiều hơn, ít hơn, bằng.*

**2. Phát triển các năng lực chung và phẩm chất.**

- Củng cố năng lực so sánh được số lượng của hai nhóm đồ vật trong bài toán thực tiễn có hai hoặc ba nhóm sự vật

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

- GV: tranh minh hoạ

- HS: Vở bài tập toán tập 1.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

**Tiết 1**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **Khởi động** | |
| **1. Khởi động**  - Ổn định tổ chức  - Giới thiệu bài : | - Hát  - Lắng nghe |
| **2. Bài cũ:**  - GV đọc cho HS viết các số từ 6 đến 10  - Yêu cầu HS đọc lại  - GV nhận xét. | - HS viết bảng con  - HS đọc |
| **3. Luyện tập** | |
| **\* Bài 1 ( T16):**  **-** GV gắn tranh minh hoạ lên bảng.  - Nêu yêu cầu bài tập  - GV hướng dẫn HS ghép cặp mỗi con thỏ với một củ cà rốt.  GV hỏi :  + Thỏ còn thiếu hay cà rốt còn thiếu?  + Số thỏ ít hơn hay số cà rốt ít hơn?  + Vậy ta khoanh vào đáp án nào?  - GV nhận xét, kết luận.  - GV cho HS khoanh vào đáp án. | - HS nhắc lại  - HS quan sát  - 1HS lên bảng+ cả lớp làm vào vở bài tập.  - HS trả lời:  + Thỏ còn thiếu.  + Số thỏ ít hơn.  B  + Đáp án: Số thỏ ít hơn.   * HS khoanh vào đáp án |
| **\* Bài 2 ( T16):**  - Nêu yêu cầu bài tập  GV yêu cầu HS ghép số chuồn chuồn, hoa và bướm.  GV hỏi:  + Số chuồn chuồn bằng số hoa hay ít hơn?  + Vậy đáp án A có đúng không?  + Số hoa nhiều hơn hay số bướm nhiều hơn?  + Vậy đáp án B đúng hay sai?  + Số bướm nhiều hơn hay ít hơn số chuồn chuồn?  + Vậy đáp án C đúng hay sai?  - GV nhận xét, kết luận.  - GV cho HS khoanh vào đáp án. | - HS nhắc lại  - HS đếm nhẩm  - HS trả lời:  + Số chuồn chuồn ít hơn số hoa.  + Đáp án A sai  + Số hoa nhiều hơn số bướm  + Đáp án B đúng  + Số bướm ít hơn số chuồn chuồn  + Đáp án C sai.  B  + Đáp án: Số hoa nhiều hơn số bướm.  -HS khoanh vào đáp án |
| **4. Củng cố:**  - Bài học hôm nay, em biết thêm điều gì?  - GV nhận xét tiết học, tuyên dương HS tích cực xây dựng bài.  **5. Dặn dò:**  - Chuẩn bị bài sau. | * HS trả lời * HS lắng nghe |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):**

|  |
| --- |
|  |
|  |

**Tiếng Việt**

**LUYỆN VIẾT I, K, H, L**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.**

- Giúp HS củng cố về đọc viết các âm i , k, h ,l đã học.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.**

- Vở bài tập Tiếng Việt.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Ôn đọc:**  - GV ghi bảng.  i , k, h ,l  - GV nhận xét, sửa phát âm.  **2. Viết:**  - Hướng dẫn viết vào vở ô ly.  i , k, h ,l, kì, hồ. lê. Mỗi chữ 2 dòng.  - Quan sát, nhắc nhở HS viết đúng.  **3. Chấm bài:**  - GV chấm vở của HS.  - Nhận xét, sửa lỗi cho HS.  **4. Củng cố - dặn dò:**  - GV hệ thống kiến thức đã học.  - Dặn HS luyện viết lại bài ở nhà. | - HS đọc: cá nhân, nhóm, lớp.  - HS viết vở ô ly.  - Dãy bàn 1 nộp vở. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):**

|  |
| --- |
|  |
|  |
|  |

**Tiếng Việt**

**LUYỆN VIẾT U, U, CH, KH**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.**

- Giúp HS củng cố về đọc viết các âm u,ư, ch, kh đã học.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.**

- Vở bài tập Tiếng Việt.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Ôn đọc:**  - GV ghi bảng.  u, ư, ch, kh  - GV nhận xét, sửa phát âm.  **2. Viết:**  - Hướng dẫn viết vào vở ô ly.  u, ư, ch, kh, chú, khỉ, chữ. Mỗi chữ 2 dòng.  - Quan sát, nhắc nhở HS viết đúng.  **3. Chấm bài:**  - GV chấm vở của HS.  - Nhận xét, sửa lỗi cho HS.  **4. Củng cố - dặn dò:**  - GV hệ thống kiến thức đã học.  - Dặn HS luyện viết lại bài ở nhà. | - HS đọc: cá nhân, nhóm, lớp.  - HS viết vở ô ly.  - Dãy bàn 1 nộp vở. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):**

|  |
| --- |
|  |
|  |
|  |

**Tự nhiên và Xã hội**

An toàn khi sử dụng đồ dùng trong nhà (tiết 2)

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

Sau bài học, HS sẽ:

- Để được tiến thuật số đồ dùng, thiết bị trong nhà nếu sử dụng không cẩn thận có thể làm bản thân hoặc người khác gặp nguy hiểm.

- Nhận biết được một số tình huống thuở ng gặp khi sử dụng đồ dùng, thiết bị trong nhà có thể gây nguy hiểm cho mình hoặc những người thân và cách sử dụng an toàn đồ dùng thiết bị điện.

- Có ý thức giữ gìn an toàn cho bản thân và những người xung quanh.

- Biết cách xử lý đơn giản trong tình huống mình hoặc người khác bị thương

- Nhớ số điện thoại trợ giúp về y tế

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

-GV:

+ Hình trong SGK phóng to 2-3 bộ hình đồ dùng, vật dụng trong nhà.

+ Phích cắm điện.

- HS: Tranh ảnh về một số đồ dùng có thể gây nguy hiểm trong nhà.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tiết 2** | |
| 1. **Mở đầu: Khởi động**   GV yêu cầu HS nhớ lại tình huống nguy hiểm mà em đã trải qua hoặc chứng kiến khi sử dụng đồ dùng vật dụng và kể trước lớp. GV có thể gợi ý: Cho tay vào quạt khi quạt đang chạy, sờ tay vào bàn là nóng, bị bỏng khi cầm cốc nước nóng...  **2. Hoạt động khám phá**  - GV hướng dẫn HS quan sát hình trong SGK, để nhận biết nội dung hình và trả lời câu hỏi gợi ý của GV:  Vì sao em Hoa bị bỏng?  Hoa làm gì trong tình huống đó?  Em thấy Hoa xử lý như trên có đúng không?),  - Ngoài cách xử lý như trong SGK, khuyến khích HS nêu cách xử lí khác hợp lí mà các em đã chứng kiến hoặc thực hiện.  Yêu cầu cần đạt: Biết cách xử lý trong những tình huống nếu mình hoặc người khác bị thương, bị thông  **3. Hoạt động thực hành**  - GV hướng dẫn HS quan sát hình trong SGK về cách cắm phích điện và đưa ra câu hỏi gợi ý (Trong ba cách ở trong SGK, em thấy cách nào đúng? Vì sao?).  - GV có thể đưa phích cắm điện đã chuẩn bị để hướng dẫn cách cầm đúng cho HS; sau để cho một số bạn thực hành. GV nhận xét, đảnh giả và rút ra kết luận: Khi cầm phích cắm điện, các em phải lau tay thật khô và cắm đúng cách,  Yêu cầu cần đạt: HS biết và thực hành cấm phích cắm điện đúng cách, an toàn  **4. Hoạt động vận dụng**  - GV tổ chức cho HS quan sát hình trong SGK: một bạn chuẩn bị sổ tay vào bàn là đang cắm điện, gợi ý để các em nhận biết đó là việc làm không an toàn và em sẽ làm gì khi gặp tình huống đó.  - Ngoài những tình huống được thể hiện trong SGK GV khuyến khích HS đưa tại các cách xử lý phù hợp khi gặp những tình huống không an toàn khác.  - GV cũng khuyến khích HS kể những tình huống không an toàn khác và em gặp..  Yêu cầu cần đạt: HS biết cách xử lý một số tình huống khi bản thân và người thần sử dụng một số đồ dùng, thiết bị trong nhà không cẩn thận và biết cách cắm phích điện an toàn,  **3. Đánh giá**  - Biết cách sử dụng an toàn một số đồ dùng, thiết bị trong gia đình và cách xử l phù hợp trong những tình huống đơn giản.  - Định hướng phát triển năng lực phẩm chất GV có thể tổ chức cho HS thảo luận về tình huống trong hình tổng kết cuối bài, sau đó có thể đưa rà VỘI MÔ tinh huống cụ thể khác để HS tự đưa ra cách xử lí. Thông qua đó, HS nắm được kiến thức, phát triển kĩ năng cần thiết cho cuộc sống  **4. Hướng dẫn về nhà**  Thực hành cắm phích điện đúng cách.  **5.Hoạt động khám phá**  **\* Tổng kết tiết học**  - Nhắc lại nội dung bài học  - Nhận xét tiết học  - Hướng dẫn hs chuẩn bị bài sau | * HS nhớ và kể lại   - HS quan sát  - HS thảo luận nhóm  - Đại diện nhóm nêu được cách xử lý tình huống  -Nhóm khác theo dõi, bổ sung  - HS lắng nghe   * HS quan sát và trả lời * HS theo dõi * 2,3 HS trả lời * HS lắng nghe * HS quan sát   HS đưa tại các cách xử lý phù hợp khi gặp những tình huống không an toàn khác.   * HS kể * HS lắng nghe * HS chia sẻ * HS đóng vai theo tình huống * HS lắng nghe và thực hiện theo yêu cầu * HS lắng nghe |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):**

|  |
| --- |
|  |
|  |

*Thứ sáu ngày 29 tháng 09 năm 2023*

**Bài 4:So sánh số(4 tiết)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Năng lực :**

**a. Năng lực chung:**

- Năng lực tự chủ và tự học: Bước đầu biết quan sát, so sánh số lượng và sử dụng từ “lớn hơn” khi so sánh, sử dụng dấu > khi so sánh các số.

- Năng lực giao tiếp hợp tác: Biết trao đổi, giúp đỡ nhau hoàn thành các bài tập theo quan hệ lớn hơn.

**b. Năng lực đặc thù:**

- Năng lực tư duy và lập luận:

+ Nhận biết được Lớn hơn tìm ra nhóm sự vật có số lượng nhiều nhất.

+ Dựa trên các tranh, nhận biết được cách so sánh, xếp thứ tự các số trong phạm vi 10 (ở các nhóm có không quá 4 số)

**2. Phẩm chất :**

- Chăm chỉ : Rèn luyện tính cẩn thận ,nhanh nhẹn

- Trung thực: Biết tự thực hiện so sánh số lượng lớn hơn, tự đánh giá mình và bạn.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Bộ đồ dùng học toán 1.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **TIẾT 3:Bằng nhau, dấu =** | |
| **1. Khởi động**  - Ổn định tổ chức  - Giới thiệu bài  **2. Khám phá**  - GV cho HS quan sát cái xẻng và cuốc  - GV hỏi: Đố các em đây là cái gì?  - GV nói về công dụng của cuốc và xẻng  bai4  - Yêu cầu HS đếm số số lượng xẻng, cuốc.  - GV hỏi: có mấy cái xẻng, mấy cái cuốc?  - GV kết luận: viết 4 = 4 lên bảng  - GV: Khi hai số bằng nhau ta dùng dấu = để viết phép so sánh  - HD HS viết phép so sánh : 4 = 4 vào vở  - GV làm tương tự với hình minh họa về máy tính xách tay và chuột máy tính  **3.Hoạt động**  **Bài 1: Tập viết dấu =**  - GV nêu yêu cầu của bài.  - HD HS viết dấu = vào vở  - Theo dõi hướng dẫn HS viết  **Bài 2: Tìm hình thích hợp**  - GV nêu yêu cầu của bài.  - GV hướng dẫn lần lượt ghép cặp các sự vật lại với nhau  bai4  - Gv nhận xét , kết luận  **Bài 3: Câu nào đúng?**  - Nêu yêu cầu bài tập  - HD HS đếm số lượng lá vàng và lá xanh để tìm ra đáp án đúng  bai4  - GV nhận xét, kết luận  **Bài 4: >; <; =?**  - Nêu yêu cầu bài tập  - HD HS đếm số chấm ở mỗi con bọ và chọn dấu >, <, = thích hợp để so sánh các số.  bai4  - GV theo dõi hướng dẫn HS thực hiện  - GV nhận xét, kết luận  **3.Củng cố, dặn dò**  Về nhà em cùng người thân tìm thêm nhóm sự vật có số lượng nhiều hơn, ít hơn, bằng nhau. | - Hát  - Lắng nghe  -HS quan sát và trả lời:  xẻng và cuốc  - HS: cuốc dùng để đào, bới đất , cát, cỏ, …; xẻng dùng để đào, xúc đất, cát, …  - HS đếm số cuốc và xẻng: 4, 4  - Theo dõi.  - HS viết vào vở: 4=4  - HS viết vào vở: 5=5  - HS nhắc lại  - HS viết vào vở dấu =  - HS nhắc lại y/c của bài  - HS thực hiện ghép cặp, nêu miệng kết quả: bạn ghép với bạn, thìa ghép với bát, mây ghép với mưa.  - HS nhận xét bạn  - HS quan sát, đếm, nêu kết quả:  câu b)  - HS nhận xét  - Nêu lại yêu cầu  - HS thực hiện, nêu kết quả: 5<7, 6<8, 3=3.  - HS nhận xét  - Theo dõi, lắng nghe |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY( nếu có)**

|  |
| --- |
|  |
|  |
|  |

**Tiếng việt (LT)**

Luyện tập: **E e Ê ê**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

Giúp HS:

- Biết và đọc đúng âm e,ê; đọc đúng tiếng, từ ngữ, câu có âm e,ê.

- Viết đúng chữ e,ê; viết đúng tiếng, từ ngữ có chữ e,ê.

- Phát triển vốn từ dựa trên những từ ngữ có âm e,ê và thanh sắc.

- Phát triển kĩ năng nói lời chào hỏi.

- Phát triển kĩ năng quan sát nhận biết nhân vật và suy đoán nội dung tranh minh họa qua các tình huống.

- Cảm nhận được những tình cảm trong gia đình.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

GV:- VBT, tranh ảnh.

HS: - VBT, bảng con.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động**   * GV cho HS hát   **2.Bài cũ.**  - GV cho HS viết bảng con chữ “e,ê”  - GV nhận xét, tuyên dương.  **3. Luyện tập**  - GV yêu cầu HS mở vở BT Tiếng Việt  **Bài 1:**   * GV nêu yêu cầu bài tập. * GV hướng dẫn: Các em hãy nối bức tranh chứa tiếng có âm “ e” và âm “ê” với chữ “ e”, “ê” cho sẵn. * GV nhận xét, sửa bài.   **Bài 2:**   * GV nêu yêu cầu bài tập * GV hướng dẫn: các em hãy điền :e” hoặc “ê” vào chỗ chấm bên dưới mỗi bức tranh cho phù hợp với nội dung từng tranh. * GV nhận xét, tuyên dương.   **Bài 3:**   * GV nêu yêu cầu bài tập * GV hướng dẫn: các em hãy ghép các chữ cái và dấu thanh trong ba giỏ để tạo thành tiếng cho đúng. Sau đó viết lại tiếng đó ra phiếu nhé. * GV nhận xét, tuyên dương.   **4. Củng cố, dặn dò:**  - GV cho HS đọc viết lại chữ “e”, “ê” và vào bảng con.  - Dặn HS về đọc lại bài và xem trước bài sau.  - Nhận xét, tuyên dương HS. | * HS hát * HS viết bảng con   -HS lắng nghe  - HS làm cá nhân.  - HS thực hiện vào VBT  - 1,2 HS đọc tên tranh vẽ gì.  -HS lắng nghe  - HS làm phiếu cá nhân.  - 2 em lên dán bảng, các bạn khác nhận xét.  Đáp án: Tranh 1: bê  Tranh 2: bè  Tranh 3: bé  -HS lắng nghe  - HS làm phiếu nhóm.  - Đại diện ba nhóm lên điền vào phiếu lớn trên bảng , các nhóm khác nhận xét.  Đáp án: bé, bè, bế, bề...   * HS thực hiện vào bảng con và đọc đồng thanh. * HS lắng nghe. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):**

|  |
| --- |
|  |
|  |

**Tiếng Việt**

**Bài 15: Ôn tập và kể chuyện**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Năng lực:**

**a. Năng lực chung:**

Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Rèn luyện cho HS kĩ năng xử lí tình huống và giải quyết vấn đề thông qua câu chuyện Con Quạ thông minh.

**b. Năng lực đặc thù:**

- Năng lực ngôn ngữ:

+ Nắm vững cách đọc các âm *i, k, l, h, u, ư, ch, kh* ; cách đọc các tiếng, từ ngữ, câu có các âm *i, k, l, h, u, ư, ch, kh ;* hiểu và trả lời được các câu hỏi có liên quan đến nội dung đã đọc.

+ Phát kĩ năng viết thông qua viết cụm từ chứa một số âm – chữ đã học.

+ Phát triển kĩ năng nghe và nói thông qua hoạt động nghe và kể câu chuyện *Con Quạ thông minh* trả lời câu hỏi về nội dung câu chuyện được nghe và kể lại câu chuyện.

**2. Phẩm chất:**

Chăm chỉ: biết lắng nghe GV kể chuyện và kể lại được từng đoạn chuyện và cả câu chuyện theo gợi ý và không theo gợi ý dưới tranh.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Nắm vững đặc điểm phát âm của âm u, ư, ch, kh; cấu tạo và cách viết các chữ ghi u, ư, ch, kh; nghĩa của các từ ngữ trong bài học và cách giải thích nghĩa của những từ ngữ này. Chú ý nghĩa của những từ ngữ khó hoặc dễ nhầm lẫn.

- Những lỗi về chữ viết dễ mắc do phát âm phương ngữ

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

**TIẾT 1**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | |
| **1. Ôn và khởi động**  - HS viết chữ u, ư, ch, kh  **2. Đọc âm, tiếng, từ ngữ**  **a. Đọc tiếng:**  - GV yêu cầu HS ghép âm dấu với nguyên âm để tạo thành tiếng (theo mẫu) và đọc to  tiếng được tạo ra: theo cá nhân, theo nhóm và đồng thanh cả lớp.  - Sau khi đọc tiếng có thanh ngang, GV có thể cho HS bổ sung các thanh điệu khác nhau để tạo thành những tiếng khác nhau và đọc to những tiếng đó.  **b. Đọc từ ngữ:**  - GV yêu cầu HS đọc thành tiếng cá nhân, nhóm), đọc đóng thanh (cả lớp). Lưu ý: GV cũng có thể tổ chức hoạt động dạy học ở mục 2 này bằng cách tổ chức trò chơi phù hợp với HS. Tuy nhiên, cần đảm bảo yếu tố thời gian của tiết học.  **3. Đọc câu**  Câu 1: Chị cho bé cá cờ.  - HS đọc thầm cả câu, tỉm tiếng có chứa các âm đã học trong tuần.  GV giải thích nghĩa của từ ngữ (nếu cần).  - GV đọc mẫu câu  - HS đọc thành tiếng cả câu (theo cá nhân hoặc theo nhóm), sau đó cả lớp đọc đóng thanh theo GV.  Câu 2: Dì Kha cho Hà đi chợ.  Thực hiện các hoạt động tương tự như đọc câu 1.  **4. Viết**  - GV hướng dẫn HS viết vào Tập viết 1, tập một từ đỗ đỏ trên một dòng kẻ. Số lần lặp lại tuỳ thuộc vào thời gian cho phép và tốc độ viết của HS.  - GV lưu ý HS cách nối nét giữa các chữ cái.  - GV quan sát, nhận xét và sửa lỗi cho HS. | | -Hs viết  -Hs ghép và đọc( ke, kê,ki,)(he,hê,hi,hu,hư), (le,lê,li,lu,lư), (che,chê,chi, chu, chư), ( khe, khê, khi, khu, khư).  - Hs thêm dấu thanh để có tiếng mới.  - HS đọc  - HS đọc cá nhân, cả lớp.( chú hề, chợ cá, che ô, lá khô, bờ hồ, cá dữ,lá hẹ)  - HS đọc: o, a, e, b, ch, kh  -Hs lắng nghe  -Hs lắng nghe  -Hs đọc cá nhân, cả lớp.  - HS đọc : a, o,i, d,h,kh  - HS đọc cá nhân, cả lớp câu đó  -HS viết  -HS nhận xét  -Hs lắng nghe |

**TIẾT 2**

|  |  |
| --- | --- |
| **5. Kể chuyện**  a. Văn bản  CON QUẠ THÔNG MINH  Một con quạ đang khát nước. Nó bay mãi nhưng chẳng kiếm được một giọt nào. Mệt quá, nó đậu xuống một cành cây để nghi. Nó nhìn thấy một cái binh ở dưới gốc cây:  Quạ sà xuống đất, ngó vào bình và thấy trong bình có nước. Nó thò mỏ vào, nhưng nước trong bình it quá, mỏ nó không thể tới được  Nhìn xung quanh, qua thấy những viên sỏi nhỏ. Nó thử lấy mỏ gắp một viên sỏi thả vào binh và thấy nước dâng lên một chút. Nó tiếp tục gặp những viên sởi khác thả vào bình.  Chẳng bao lâu, nước đã dâng lên đến miệng bình. Qua uống thoả thích rồi bay lên cây nghỉ ngơi.  (Theo I. La Fontaine)  **b. GV kể chuyện, đặt câu hỏi và HS trả lời**  Lần 1: GV kể toàn bộ câu chuyện.  Lần 2: GV kể từng đoạn và đặt câu hỏi. HS trả lời.  Đoạn 1: Từ đầu đến ở dưới gốc cây. GV hỏi HS:  1. Qua thấy gì ở dưới gốc cây  Đoạn 2: Từ Quạ sà xuống đất đến không thể tới được. GV hỏi HS:  2. Quạ có uống được nước trong bình không? Vì sao?  Đoạn 3: Từ Nhìn xung quanh đến gắp những viên sỏi khác thả vào bình, GV hỏi HS:  3. Quạ đã nghĩ ra điều gì?  Đoạn 4: Từ Chẳng bao lâu đến hết. GV hỏi HS:  4. Cuối cùng, quạ có uống được nước trong bình không? Vì sao?  - GV có thể tạo điều kiện cho HS được trao đổi nhóm để tìm ra câu trả lời phủ hợp với nội dung từng đoạn của câu chuyện được kể.  **c. HS kể chuyện**  -GV yêu cầu HS kể lại từng đoạn theo gợi ý của tranh và hướng dẫn của GV. Một số HS kể toàn bộ câu chuyện.GV cần tạo điều kiện cho HS được trao đổi nhóm để tìm ra câu trả lời phù hợp với nội dung từng đoạn của câu chuyện được kế. GV cũng có thể cho HS đóng vai kể lại từng đoạn hoặc toàn bộ câu chuyện và thi kế chuyện. Tuỷ vào khả năng của HS và điều kiện thời gian để tổ chức các hoạt động cho hấp dẫn và hiệu quả.  **6. Củng cố**  - GV nhận xét chung giờ học, khen ngợi và động viên HS.  - GV khuyến khích HS thực hành giao tiếp ở nhà: kế cho người thân trong gia đình hoặc bạn bè câu chuyện Búp bè và dễ mền. Ở tất cả các bài, truyện kế khỏng nhất thiết phải đấy đủ và chính xác các chi tiết như được học ở lớp. HS chỉ cần nhớ một số chi tiết cơ bản và kế lại. | -Hs lắng nghe  -Hs lắng nghe  -Hs : thấy bình nước  - Hs: k, vì nước ít quá  -Hs: gắp sỏi bỏ vào bình  - HS: quạ uống thỏa thích vì nước dâng lên miệng bình.  -HS kể  -HS lắng nghe |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY( nếu có)**

|  |
| --- |
|  |
|  |
|  |

**SINH HOẠT TẬP THỂ TUẦN 4**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Giúp HS biết được những ưu điểm và hạn chế về việc thực hiện nội quy, nề nếp trong 1 tuần học tập vừa qua.

- GDHS chủ đề 1 **“Chào năm học mới”**

- Biết được bổn phận, trách nhiệm xây dựng tập thể lớp vững mạnh, hoàn thành nhiệm vụ học tập và rèn luyện.

- Hình thành một số kỹ năng về xây dựng tập thể, kỹ năng tổ chức, kỹ năng lập kế hoạch, kỹ năng điều khiển và tham gia các hoạt động tập thể, kỹ năng nhận xét và tự nhận xét; hình thành và phát triển năng lực tự quản.

- Có ý tổ chức kỷ luật, tinh thần trách nhiệm trước tập thể, có ý thức hợp tác, tính tích cực, tự giác trong hoạt động tập thể, ý thức giữ gìn, phát huy truyền thống tốt đẹp của tập thể, phấn đấu cho danh dự của lớp, của trường.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

1. GV: băng đĩa nhạc, …

2. HS: Tự làm hoặc chuẩn bị một đồ chơi Trung thu như: đèn ông sao, đèn kéo quân, mặt nạ các con vật, …

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1.Ổn định tổ chức:**  - GV mời lớp trưởng lên ổn định lớp học.  **2. Sơ kết tuần và thảo luận kế hoạch tuần sau**  **a/ Sơ kết tuần học**  \* Mục tiêu: HS biết được những ưu điểm và tồn tại trong việc thực hiện nội quy lớp học.  \*Cách thức tiến hành:  - Lớp trưởng mời lần lượt các tổ trưởng lên báo cáo, nhận xét kết quả thực hiện các mặt hoạt động của tổ mình trong tuần qua.  + Lần lượt các Tổ trưởng lên báo cáo, nhận xét kết quả thực hiện các mặt hoạt động trong tuần qua.  Sau báo cáo của mỗi tổ, các thành viên trong lớp đóng góp ý kiến.  - Lớp trưởng nhận xét chung tinh thần làm việc của các tổ trưởng và cho lớp nêu ý kiến bổ sung (nếu có). Nếu các bạn không còn ý kiến gì thì cả lớp biểu quyết thống nhất với nội dung mà tổ trưởng đã báo cáo bằng một tràng pháo tay (vỗ tay).  - Lớp trưởng tổng kết và đề xuất tuyên dương cá nhân, nhóm điển hình của lớp; đồng thời nhắc nhở các cá nhân, nhóm, cần hoạt động tích cực, trách nhiệm hơn (nếu có).  - Lớp trưởng mời giáo viên chủ nhiệm cho ý kiến.  Dựa trên những thông tin thu thập được về hoạt động học tập và rèn luyện của lớp, giáo viên chủ nhiệm góp ý, nhận xét và đánh giá về:  + Phương pháp làm việc của ban cán sự lớp; uốn nắn điều chỉnh để rèn luyện kỹ năng tự quản cho lớp.  + Phát hiện và tuyên dương, động viên kịp thời các cá nhân đã có sự cố gắng phấn đấu trong tuần.  + Nhắc nhở chung và nhẹ nhàng trên tinh thần góp ý, động viên, sửa sai để giúp đỡ các em tiến bộ và hoàn thiện hơn trong học tập và rèn luyện… (không nêu cụ thể tên học sinh vi phạm hay cần nhắc nhở trước tập thể lớp).  + Tiếp tục rút kinh nghiệm với những kết quả đạt được đồng thời định hướng kế hoạch hoạt động tuần tiếp theo.  - Lớp trưởng : *Chúng em cảm ơn những ý kiến nhận xét của cô. Tuần tới chúng em hứa sẽ cố gắng thực hiện tốt hơn.*  **b/ Xây dựng kế hoạch tuần tới**  \* Mục tiêu: HS biết được cách lập kế hoạch trong tuần tiếp theo.  \*Cách thức tiến hành:  **-** Lớp trưởng yêu cầu các tổ trưởng dựa vào nội dung cô giáo vừa phổ biến lập kế hoạch thực hiện.  - Các tổ thảo luận đề ra kế hoạch tuần tới với nhiệm vụ phải thực hiện và mục tiêu phấn đấu đạt được trên tinh thần khắc phục những mặt yếu kém tuần qua và phát huy những lợi thế đạt được của tập thể lớp; phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên trong tổ.  - Lớp trưởng cho cả lớp hát một bài trước khi các tổ báo cáo kế hoạch tuần tới.  - Lần lượt các Tổ trưởng báo cáo kế hoạch tuần tới.  Sau mỗi tổ báo cáo, tập thể lớp trao đổi, góp ý kiến và đi đến thống nhất phương án thực hiện.  - Lớp trưởng: Nhận xét chung tinh thần làm việc và kết qủa thảo luận của các tổ.  *Các bạn đã nắm được kế hoạch tuần tới chưa?* (Cả lớp trả lời)  - Lớp trưởng: *Chúng ta sẽ cùng nhau cố gắng thực hiện nhé! Bạn nào đồng ý cho 1 tràng pháo tay.*  - Lớp trưởng: *mời giáo viên chủ nhiệm cho ý kiến*.  - Giáo viên chốt lại và bổ sung kế hoạch cho các ban.  **3. Sinh hoạt theo chủ đề “Vui Trung thu”**  - GV bắt nhịp vừa hát vừa vỗ tay bài Chiếc đèn ông sao  - GV yêu cầu các bạn hợp tác, chia sẻ trong việc chuẩn bị làm đèn lồng bày cỗ Trung thu.  -GV khích lệ các bạn nhút nhát, chưa tự tin tham gia chia sẻ  -GV khen ngợi các em đã vận dụng tốt kĩ năng.  - Tổ chức cho HS phá cỗ  **ĐÁNH GIÁ**  **a) Cá nhân tự đánh giá**  -GV hướng dẫn HS tự đánh giá theo các mức độ dưới đây:  -Tốt: Thực hiện được thường xuyên tất cả các yêu cầu nên làm trong giờ học, giờ chơi.  -Đạt: Thực hiện được các yêu cầu trên nhưng chưa thường xuyên  -Cần cố gắng: Chưa thực hiện được những yêu cầu nên làm trong giờ học, giờ chơi và chưa thể hiện rõ, chưa thường xuyên  **b) Đánh giá theo tổ/ nhóm**  -GV HD tổ trưởng/ nhóm trưởng điều hành để các thành viên trong tổ/ nhóm đánh giá lẫn nhau về các nội dung sau:  -Có sáng tạo trong khi thực hành hay không?  -Thái độ tham gia hoạt động có tích cực, tự giác, hợp tác, trách nhiệm, … hay không?  **c) Đánh giá chung của GV**  GV dựa vào quan sát, tự đánh giá của từng cá nhân và đánh giá của các tổ/nhóm để đưa ra nhận xét, đánh giá chung  **4.Củng cố - dặn dò**  - Nhận xét tiết học của lớp mình.  - GV dặn dò nhắc nhở HS | - HS hát một số bài hát.  - Các tổ trưởng nêu ưu điểm và tồn tại việc thực hiện hoạt động của tổ.  - Lớp trưởng nhận xét chung cả lớp.  - HS lắng nghe.  - HS lắng nghe.  - HS lắng nghe.  - Các tổ thực hiện theo.  - Các tổ thảo luận và nêu kế hoạch tuần tới.  -Cả lớp hát  - Tổ trưởng lên báo cáo.  - HS lắng nghe  - HS chia sẻ  - HS lắng nghe  - HS tham gia phá cỗ.  - HS tự đánh giá theo các mức độ  - HS đánh giá lẫn nhau về các nội dung  - HS lắng nghe. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY( nếu có)**

|  |
| --- |
|  |
|  |
|  |

**AN TOÀN GIAO THÔNG**

**Bài 4 : Ngồi an toàn trên các phương tiện giao thông**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Biết được vị trí, cách ngồi an toàn trên các phương tiện giao thông phổ biến như: xe đạp, xe máy, ô tô, ghe, thuyền….

- Nhận biết và phòng tránh những nguy hiểm khi ngồi không đúng vị trí hoặc không đúng cách.

- Thực hiện chia sẻ với người khác về vị trí ngồi, cách ngồi an toàn trên các phương tiện giao thông.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

-GV : Tranh vẽ phóng to

-HS: Sách giáo khoa.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

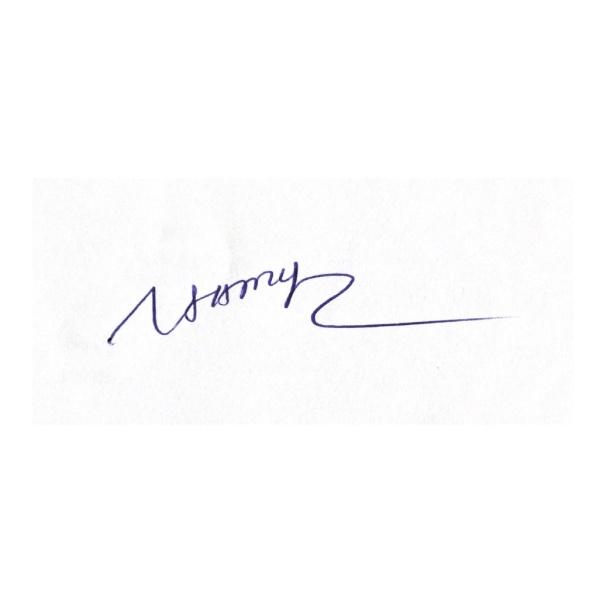
|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động GV** | **Hoạt động HS** |
| **TIẾT 1:**  **1. Hoạt động Mở đầu**  **Hoạt động khởi động:**  -GV đọc cho học sinh nghe: **ĐI XE ĐẠP**  -Đi xe đạp vui thật vui,bánh xe quay tròn tròn đều  -Mẹ đằng trước bé đằng sau phố phường đông vui quá.  -Bạn cùng lớp vẫy chào nhau mỗi khi đi tới trường.  -GV hỏi bài thơ cô vừa đọc nói về việc gì?  -GV yêu cầu HS kể phương tiện giao thông đường bộ mà mình được tham gia.  \* GV giới thiệu và ghi tựa bài HS nhắc lại tựa bài.  **2. Hoạt động Hình thành kiến thức mới**  **Hoạt động khám phá**  **Mục tiêu**:  + HS biết phương tiện giao thông đường bộ.  + Biết những quy định về an toàn khi ngồi trên xe đạp, xe máy, ô tô, ghe, thuyền….  + Có thói quen đội mũ bảo hiểm, quan sát các loại xe trước khi lên xuống xe, biết bám chắc người ngồi đằng trước,….  **2.1. Tìm hiểu cách ngồi an toàn trên các phương tiện giao thông:**  - Cho HS thảo luận nhóm đôi: Quan sát 4 tranh trong tài liệu. (Trang 16, 17)  - GV nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của các nhóm.  - GV liên hệ giáo dục.  **2.2. Tìm hiểu một số hành vi ngồi không an toàn trên các phương tiện giao thông**  - Cho HS thảo luận nhóm 4 và trả lời câu hỏi:  + Các bạn trong tranh ngồi như thế nào?  + Điều gì có thể xảy ra với các bạn ?  - GV nhận xét, đánh giá.  - GV gợi ý cho HS chia sẻ:  + Em làm gì để phòng tránh những nguy hiểm đó?  - GV nhận xét, đánh giá. Liên hệ giáo dục  - GV gợi ý cho HS tự đánh giá.  **TIẾT 2:**  **3. Hoạt động Luyện tập, thực hành**  **Mục tiêu:**  - HS nhận biết được các tình huống, hành vi có thể xảy ra tai nạn giao thông.  - Biết nói lời khuyên đúng, sai với bạn khi tham gia giao thông.  **3.1. Quan sát tranh và chỉ ra những bạn ngồi không an toàn trên các phương tiện giao thông.**  - GV cho HS quan sát tranh theo nhóm đôi, trao đổi :  - GV mời HS trình bày kết quả thảo luận của nhóm mình.  - Trong quá trình HS trình bày, GV đặt câu hỏi để khai thác từng bức tranh.  - GV chốt lại nội dung của hoạt động.  **3.2. Xử lí tình huống trong tranh có thể gây nguy hiểm khi bản thân tham gia giao thông.**  - GV cho HS quan sát từng tình huống thảo luận theo nhóm bốn, trao đổi :  - Em đồng tình với tình huống nào khi tham gia giao thông nào trong từng bức tranh (bằng cách sử dụng thẻ)  - Em hãy nói lời khuyên với những tình huống chưa đúng ?  - GV chốt lại nội dung chính và giáo dục HS.  **4. Hoạt động Vận dụng**  **Mục tiêu:** Chia sẻ với bạn hoặc người thân những việc cần làm để phòng tránh tai nạn giao thông xảy ra.  - GV chia nhóm, nêu yêu cầu:  - Trao đổi với bạn nhưng nội dung sau:  -Em hãy kể những hành vi nguy hiểm ,dễ xãy ra tai nạn giao thông?  -Em hãy kể lại những việc đã làm để phòng tránh tai nạn giao thông?  -GV nhận xét giải thích.  Giáo viên tổng kết các công việc cần làm để đảm bảo an toàn cho bản thân và người khác khi tham gia giao thông đường bộ.  **5. Củng cố :**  - GV giáo dục cho học sinh khi đi học ta phải chấp hành tốt luật giao thông để bảo vệ an toàn cho chính mình để giảm bớt gánh nặng cho xã hội .  **6. Dặn dò**  - Về nhà các em xem lại bài và thực hiện tốt luật giao thông khi tham gia.  - Vận động mọi người chấp hành tốt An toàn giao thông.  - Chuẩn bị bài sau: Bài 5: Nhớ đội mũ bảo hiểm  - Nhận xét tiết học. | -HS nghe  -HS trả lời  -HS trả lời  -**Bài 4: Ngồi an toàn trên các phương tiện giao thông.**  - HS thảo luận nhóm đôi. Quan sát 4 tranh trong tài liệu, nói cách ngồi an toàn của các bạn nhỏ trên các phương tiện giao thông.  - Đại diện nhóm trình bày kết quả.  - Lớp nhận xét, bổ sung.  + HS lắng nghe  - HS thảo luận nhóm 4.  - Đại diện nhóm chia sẻ kết quả.  - Lớp nhận xét, bổ sung.  + Tranh 1: bạn nhỏ ngồi sau không ôm cha mà giơ 2 tay lên.  + Tranh 2: Mẹ và bạn trai không vịn tay vào đầu xe sẻ dễ xẩy ra tai nạn khi gặp phương tiện cùng tham gia giao thông hoặc khi đi qua ngã tư mà  + Tranh 3:..  + Tranh 4: ..  - HS chia sẻ.  + HS trả lời tùy vào tình huống.  - HS quan sát tranh theo nhóm đôi, trao đổi :  - HS trình bày kết quả thảo luận của nhóm.  -Tranh 1: Có 2 loại xe đang tham gia giao thông đường bộ …  - Tranh 2: Các bạn ngồi trên xuồng có bạn không mặc áo phao và còn đứng trên xuồng dễ bị lật xuồng thì sẽ đuối nước .  - HS lắng nghe  +HS quan sát từng tranh và thảo luận.  +Tình huống 1: Bạn B ngồi phía sau xe không ôm ba dễ xảy ra tai nạn giao thông.  + Tình huống 2: Bạn Bống và Bốp còn đùa nghịch trên xe, không thắt dây an toàn dễ xảy ra tai nạn .  - HS nói  - HS lắng nghe  Trao đổi với bạn  +HS kể  +HS trả lời  - HS lắng nghe  -HS lắng nghe  -HS lắng nghe |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY( nếu có)**

|  |
| --- |
|  |
|  |
|  |

**Đã duyệt 22/09/2023**

**TỔ TRƯỞNG**

****

**Võ Thị Mỹ**